TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2024/DS-ST
Ngày: 16-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1994 (theo Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024) - có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2024, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 31/3/2021, ông Đ và Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng số 2117116.21 ngày 31/3/2021 để ông Đ vay số tiền là 725.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô con hiệu Mazda CX-5, biển số 61A-914.41, mới 100%. Lãi suất vay được hai bên thỏa thuận tại mục 2.4 của hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Đ có thế chấp một xe ô tô hiệu Mazda CX-5, màu xanh, biển số 61A-914.41, số khung RN2KW5726MM056518, số máy PE50268827 do ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Việc thế chấp, hai bên có ký tên vào Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9718046.21 ngày 31/3/2021. Viêc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đúng quy định.

Quá trình vay, ông Đ có trả cho Ngân hàng một phần các số tiền sau: Số tiền nợ gốc là 151.040.000 đồng, nợ lãi là 108.165.472 đồng, lãi phạt là 478.728 đồng.

Đến tháng 3/2023, ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã liên hệ nhắc nhở ông Đ nhiều lần nhưng ông vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 573.960.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 16/12/2024 gồm: Lãi trong hạn là 113.181.668 đồng, lãi quá hạn là 126.466.751 đồng.

Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đ không trả được nợ.

Việc ông Đ khai ông vay tiền, đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61A-914.41 giùm cho ông C và ông C là người thanh toán một phần tiền nợ gốc, lãi thay cho ông Đ thì Ngân hàng không biết việc này. Ngân hàng không biết ông C là ai và cũng không có sự thỏa thuận giữa ba bên về việc ông Đ vay tiền giùm ông C.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Minh Đ trình bày: .

Ông Đ thống nhất với Ngân hàng về việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản vào ngày 31/3/2021, thống nhất với nội dung các hợp đồng và số tiền vay như Ngân hàng khai.

Tuy nhiên, ông Đ vay tiền từ Ngân hàng giùm cho ông C (bạn ông Đ). Chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển số 61A-914.41 thế chấp cho Ngân hàng cũng là do ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận xe giùm cho ông C, còn thực tế xe thuộc sở hữu của ông C. Ông Đ không rõ họ tên của ông C, chỉ biết ông C sinh năm 1993. Trước khi ông Đ bị bắt, ông Đ chỉ biết ông C sinh sống tại thành phố

Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (cụ thể địa chỉ thì ông Đ không rõ). Ông C có đăng ký thường trú hay tạm trú tại thành phố Thủ Dầu Một hay không thì ông Đ không rõ.

Thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã chuyển khoản toàn bộ số tiền nợ gốc vào tài khoản của ông Đ. Sau đó, theo yêu cầu của ông Đ, Ngân hàng chuyển khoản từ tài khoản ông Đức vào tài khoản của ông C.

Quá trình vay, ông C trả thay cho ông Đ một phần số tiền nợ gốc là 151.040.000 đồng và nợ lãi là 108.165.472 đồng. Về phương thức ông C trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như thế nào thì ông Đ không rõ.

Chiếc xe Mazda CX-5, biển số 61A-914.41 do ông C quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay. Cho nên, xe này hiện đang ở đâu thì ông Đ không rõ.

Tuy nhiên, ông Đ là người ký tên vào các hợp đồng để vay tiền, không phải ông C nên đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông Đ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 573.960.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Trong trường hợp không trả được nợ, ông Đ đồng ý phát mãi tài sản thế chấp.

Đối với ông C, sau khi chấp hành án xong, ông Đ sẽ giải quyết vấn đề vay tiền giùm nêu trên với ông C.

Do đang chấp hành án tại trại tạm giam nên ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông Đ theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đức.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận bị đơn có ký tên vào Hợp đồng tín dụng số 2117116.21 ngày 31/3/2021 để vay số tiền nợ gốc là 725.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận bị đơn có ký tên vào Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9718046.21 ngày 31/3/2021 để thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Mazda CX-5,

biển số 61A-914.41, số khung RN2KW5726MM056518, số máy PE50268827. Xe này do bị đơn đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61006890 ngày 29/3/2021. Việc hai bên thừa nhận có ký, ghi tên vào các hợp đồng nêu trên là sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn và thông tin tại Bảng tính lãi khách hàng Lê Minh Đ ngày 16/12/2024 thể hiện bị đơn đã trả số tiền nợ gốc là 151.040.000 đồng và nợ lãi là 108.165.472 đồng.

Bị đơn cho rằng bị đơn vay tiền, đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61A-914.41 giùm cho ông C và ông C là người trả một phần số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Bị đơn khai như vậy nhưng không cung cấp được thông tin cụ thể của ông C, không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ để chứng minh có sự thỏa thuận giữa nguyên đơn, bị đơn, ông C về việc vay tiền giùm. Đồng thời, nguyên đơn cũng khai không biết ông C là ai và không thừa nhận có sự việc nêu trên như bị đơn khai. Như vậy, lời khai nêu trên của bị đơn là không có căn cứ.

Theo Bảng tính lãi khách hàng Lê Minh Đ ngày 16/12/2024 thể hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc là 573.960.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/12/2024 gồm: Lãi trong hạn là 113.181.668, lãi quá hạn là 126.466.751 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2024, bị đơn đồng ý trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, cần buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 573.960.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/12/2024 gồm: Lãi trong hạn là 113.181.668, lãi quá hạn là 126.466.751 đồng cho nguyên đơn.

Nguyên đơn và bị đơn không xác định được xe ô tô con nhãn hiệu Mazda CX-5, biển số 61A-914.41 hiện đang ở đâu. Đồng thời, theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*. Như vậy, do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi đối với tài sản thế chấp nên căn cứ theo quy định nêu trên, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn ông Lê Minh Đ về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn ông Lê Minh Đ phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và lãi là 813.608.419 đồng (tám trăm mười ba triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bốn trăm mười chín đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 573.960.000 đồng và tiền nợ lãi là 239.648.419 đồng.

Từ ngày 17/12/2024 tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 2117116.21 ngày 31/3/2021 cho đến khi ông Lê Minh Đ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì số tiền lãi suất mà ông Lê Minh Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.500.174 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000512 ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn ông Lê Minh Đ phải chịu 36.408.252 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm

2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hoàng An